

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2512805

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
 CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 2 - TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO HẬU BỊ, QUY MÔ
 48.000 CON HẬU BỊ/LŨA

Địa chỉ: Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước

2. **Phân loại mẫu** : Môi trường không khí
 3. **Ngày lấy mẫu** : 24/06/2025
 4. **Ngày trả kết quả** : 09/07/2025

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³	NH ₃ mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực chuồng trại	0,473	0,211	0,125	2,2	3,0
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	MASA Method 701	TCVN 5293:1995
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT	8	-	-	-	-
Tham khảo QCVN 03:2019/BYT	-	10	10	15	25

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:
 - Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
 - Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
 - (-): Thông số không quy định giới hạn; (*): Theo yêu cầu của Khách hàng ; KPH: Không phát hiện ; LOD: Giới hạn phát hiện
 - QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
 - QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2512859

**1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 2 - TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO HẬU BỊ, QUY MÔ
48.000 CON HẬU BỊ/LÚA**

Địa chỉ: Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : NT1 – Nước thải tại bể thu nước tách phân của chuồng nuôi 01

3. Ngày lấy mẫu : 24/06/2025

4. Ngày trả kết quả : 09/07/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QC1 Cột B	Tham khảo QC2	Phương pháp phân tích
01	pH	-	7,74	5,5 – 9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
02	BOD ₅ (20°C)	mg/L	296	100	-	SMEWW 5210B:2023
03	COD	mg/L	548	300	-	SMEWW 5220C:2023
04	TSS	mg/L	188	150	-	TCVN 6625:2000
05	Tổng Nitơ	mg/L	342	150	-	TCVN 6638:2000
06	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	715	-	≤ 600	SMEWW 4500-Cl.B:2023
07	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	-	≤ 0,1	SMEWW 3113B:2023
08	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	-	≤ 0,01	SMEWW 3113B:2023
09	Tổng Crom (Cr)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	-	≤ 0,5	SMEWW 3113B:2023
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	-	≤ 0,002	SMEWW 3112B:2023
11	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	-	≤ 0,05	SMEWW 3113B:2023
12	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	1,5 x 10 ³	-	≤ 200	SMEWW 9221B:2023
13	Coliform	MPN/ 100ml	9,2 x 10 ⁴	-	-	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: giới hạn phát hiện; Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng
- QC1: QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi; (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- QC2: QCVN 01-195:2022/ BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2512847

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
**CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 2 - TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO HẬU BỊ, QUY MÔ
 48.000 CON HẬU BỊ/LỬA**

Địa chỉ: Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước

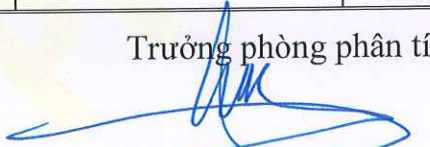
2. **Phân loại mẫu** : NT2 – Nước thải tại bể thu nước tách phân của chuồng nuôi 02

3. **Ngày lấy mẫu** : 24/06/2025

4. **Ngày trả kết quả** : 09/07/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QC1 Cột B	Tham khảo QC2	Phương pháp phân tích
01	pH	-	7,76	5,5 – 9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
02	BOD ₅ (20°C)	mg/L	304	100	-	SMEWW 5210B:2023
03	COD	mg/L	552	300	-	SMEWW 5220C:2023
04	TSS	mg/L	218	150	-	TCVN 6625:2000
05	Tổng Nitơ	mg/L	367	150	-	TCVN 6638:2000
06	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	825	-	≤ 600	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023
07	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	-	≤ 0,1	SMEWW 3113B:2023
08	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	-	≤ 0,01	SMEWW 3113B:2023
09	Tổng Crom (Cr)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	-	≤ 0,5	SMEWW 3113B:2023
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	-	≤ 0,002	SMEWW 3112B:2023
11	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	-	≤ 0,05	SMEWW 3113B:2023
12	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	1,7 x 10 ³	-	≤ 200	SMEWW 9221B:2023
13	Coliform	MPN/ 100ml	9,4 x 10 ⁴	-	5000	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích


 Ngô Thị Bích Thuận


 Giám đốc
 Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: giới hạn phát hiện; Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng
- QC1: QCVN 62-MT:2016/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi; (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- QC2: QCVN 01-195:2022/ BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2512936

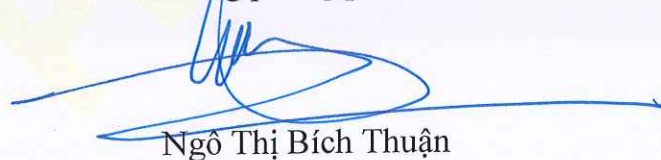
1. Đơn vị yêu cầu : **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM**
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 2 - TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO HẬU BỊ, QUY MÔ
48.000 CON HẬU BỊ/LỬA

Địa chỉ: Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : NT3 – Nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý kết hợp hồ dự phòng 1
 3. Ngày lấy mẫu : 24/06/2025
 4. Ngày trả kết quả : 09/07/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QC1 Cột B	Tham khảo QC2	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,40	5,5 – 9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
02	BOD ₅ (20°C)	mg/L	32	100	-	SMEWW 5210B:2023
03	COD	mg/L	60	300	-	SMEWW 5220C:2023
04	TSS	mg/L	45	150	-	TCVN 6625:2000
05	Tổng Nitơ	mg/L	17,2	150	-	TCVN 6638:2000
06	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	55,7	-	≤ 600	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023
07	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	-	≤ 0,1	SMEWW 3113B:2023
08	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	-	≤ 0,01	SMEWW 3113B:2023
09	Tổng Crom (Cr)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	-	≤ 0,5	SMEWW 3113B:2023
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	-	≤ 0,002	SMEWW 3112B:2023
11	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	-	≤ 0,05	SMEWW 3113B:2023
12	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	1,1 x 10 ²	-	≤ 200	SMEWW 9221B:2023
13	Coliform	MPN/ 100ml	3,5 x 10 ³	-	-	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích


 Ngô Thị Bích Thuận


 Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: giới hạn phát hiện; Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng
- QC1: QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi; (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- QC2: QCVN 01-195:2022/ BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2512848

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 2 - TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO HẬU BỊ, QUY MÔ
48.000 CON HẬU BỊ/LÚA

Địa chỉ: Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Mẫu đất - Tại khu vực cây xanh sử dụng nước thải tưới sau xử lý

3. Ngày lấy mẫu : 24/06/2025

4. Ngày trả kết quả : 09/07/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 03:2023/BTNMT Loại 1	Phương pháp phân tích
01	Asen (As)	mg/kg	KPH	0,3	25	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
02	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	0,15	4	
03	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	3	200	US EPA Method 3051A+ US EPA Method 7000B
04	Crom tổng (Cr)	mg/kg	KPH	5	150	
05	Đồng (Cu)	mg/kg	18,1	-	150	
06	Kẽm (Zn)	mg/kg	23,6	-	300	

Trưởng phòng phân tích


Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc


Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- KPH: Không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện;
- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2512840

**1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 2 - TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO HẬU BỊ, QUY MÔ
48.000 CON HẬU BỊ/LŨA**

Địa chỉ: Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : NM – Mẫu nước mặt tại Sông Bé

3. Ngày lấy mẫu : 24/06/2025

4. Ngày trả kết quả : 09/07/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,94	-	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
02	DO	mg/L	5,89	-	≥ 5,0	TCVN 7325:2016
03	BOD ₅ (20°C)	mg/L	KPH	1	≤ 6	TCVN 6001-2:2008
04	COD	mg/L	KPH	3	≤ 15	SMEWW 5220C:2023
05	TSS	mg/L	22	-	≤ 100	TCVN 6625:2000
06	Amonia (N-NH ₄ ⁺)	mg/L	KPH	0,01	0,3	SMEWW 4500-NH3.B&F:2023
07	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	mg/L	KPH	0,02	-	TCVN 6180:1996
08	Nitrat (N-NO ₂ ⁻)	mg/L	KPH	0,005	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2023
09	Photphat (P-PO ₄ ³⁻)	mg/L	KPH	0,02	-	SMEWW 4500-P.E:2023
10	Tổng Sắt (Fe)	mg/L	KPH	0,04	0,5	TCVN 6177:1996
11	Đồng (Cu)	mg/L	KPH	0,03	0,1	SMEWW 3111B:2023
12	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH	0,03	0,5	SMEWW 3111B:2023
13	Coliform	MPN/100ml	6,3 x 10 ²	-	≤ 5.000	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: giới hạn phát hiện;
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt